



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

www.vaco.com.vn / vacohn@vaco.com.vn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 22

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Chủ tịch
Ông Trần Văn Long	Ủy viên
Ông Mai Văn Minh	Ủy viên
Ông Tạ Quốc Bảo	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Bích Huệ	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hoàng Thanh Hải, đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013



Số: 250 /VACO/BCKT.NV2

## BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo (gọi chung là báo cáo tài chính) của Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/08/2013 từ trang 03 đến trang 22. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo, vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.



**Nguyễn Minh Hùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 0294-2013-156-1



**Chữ Mạnh Hoan**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-DN/HN  
Đơn vị: VND

STT TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>96.604.607.891</b>	<b>96.253.156.136</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>7.590.801.507</b>	<b>807.790.465</b>
1. Tiền	111		7.590.801.507	807.790.465
<b>II- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>15.490.738.087</b>	<b>8.287.723.167</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	5	15.659.465.543	8.082.755.006
2. Trả trước cho người bán	132		424.957.808	132.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135		63.288.788	72.968.161
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(656.974.052)	-
<b>III- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>72.055.022.945</b>	<b>84.194.982.986</b>
1. Hàng tồn kho	141		72.055.022.945	84.194.982.986
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.468.045.352</b>	<b>2.962.659.518</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		482.684.772	85.066.015
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		974.729.609	2.861.481.532
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.630.971	16.111.971
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>58.283.488.700</b>	<b>60.009.926.007</b>
<b>I- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.169.155.177</b>	<b>48.430.959.964</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	46.797.133.633	47.872.086.036
- Nguyên giá	222		69.038.244.250	67.507.837.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.241.110.617)	(19.635.751.559)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		372.021.544	558.873.928
<b>II- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.114.333.523</b>	<b>11.578.966.043</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	8	11.114.333.523	11.578.966.043
<b>III- Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>154.888.096.591</b>	<b>156.263.082.143</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU SỐ B 01a-DN/HN  
Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A-	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>51.278.033.271</b>	<b>63.606.178.000</b>
I-	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.278.033.271</b>	<b>61.606.178.000</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	9	35.530.285.371	38.960.036.006
2.	Phải trả cho người bán	312	10	6.463.644.247	8.218.107.898
3.	Người mua trả tiền trước	313		250.961.476	36.487.836
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	2.639.192.700	10.375.689.582
5.	Phải trả người lao động	315		2.474.744.742	2.342.649.432
6.	Chi phí phải trả	316	12	1.781.078.913	605.743.067
7.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.703.850.796	602.189.153
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		434.275.026	465.275.026
II-	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	<b>2.000.000.000</b>
1.	Vay và nợ dài hạn	334		-	2.000.000.000
B-	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>95.503.212.625</b>	<b>84.589.554.860</b>
I-	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>14</b>	<b>95.503.212.625</b>	<b>84.589.554.860</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		94.922.000.000	94.922.000.000
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		646.751.137	646.751.137
3.	Quỹ dự phòng tài chính	418		1.036.899.893	1.070.154.053
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.102.438.405)	(12.049.350.330)
C-	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>8.106.850.695</b>	<b>8.067.349.283</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>154.888.096.591</b>	<b>156.263.082.143</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	30/06/2013	01/01/2013
1. Ngoại tệ các loại USD	914,53	9.852,61



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 02a-DN/HN  
Đơn vị: VND

NỘI DUNG	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		170.354.191.511	
2. Các khoản giảm trừ	02		1.192.818.181	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	169.161.373.330	
4. Giá vốn hàng bán	11	16	141.913.844.178	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		27.247.529.152	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		14.669.396	
7. Chi phí tài chính	22	18	2.738.920.073	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.949.933.815	
8. Chi phí bán hàng	24		4.047.391.531	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.298.399.535	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		14.177.487.409	
11. Thu nhập khác	31		47.461.433	
12. Chi phí khác	32		-	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		47.461.433	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.224.948.842	
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	2.773.902.985	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		464.632.520	
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		10.986.413.337	
17.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		39.501.412	
17.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		10.946.911.925	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	20	1.153	



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU SỐ B 03a-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	182.154.166.686
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(142.203.000.153)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.026.198.830)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(2.030.972.558)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(10.530.709.037)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	85.672.215
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(7.176.829.679)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>13.272.128.644</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.074.036.363)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.669.396
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(1.059.366.967)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	127.749.581.549
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(133.179.332.184)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(5.429.750.635)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50	<i>6.783.011.042</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	807.790.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	7.590.801.507



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**MẪU SỐ B 09a –DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Điện cơ Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0203000691 ngày 13/01/2004; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/08/2012.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 94.922.000.000 đồng.

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	
	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.028.000.000	3,2%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%
Khác	48.730.910.000	51,3%
<b>Cộng</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2013 là 48 người (tại ngày 31/12/2012 là 48 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn ghế và đồ nội thất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất sản phẩm từ Plastic.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kỳ hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

**Hình thức kế toán áp dụng**

**Nhật ký chung**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

**Các bên liên quan**

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ của khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa vật kiến trúc	8-25
Máy móc thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay, chi phí điện nước, chi phí kinh doanh khác.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế được phân phối và trích lập các quỹ theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/IIN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HH**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền mặt tại quỹ	1.816.652.660	94.698.987
Tiền gửi ngân hàng	5.774.148.847	713.091.478
<b>Cộng</b>	<b>7.590.801.507</b>	<b>807.790.465</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công ty TNHH MTV Quang điện - Điện tử	2.970.736.760	886.913.110
Cửa hàng Hưng Chanh	2.689.277.657	765.297.459
Công ty TNHH TM và DV Vận Tải Việt Khoa	1.471.486.251	579.487.200
Công ty Hà Nội Ching Hai Electric Works Co., Ltd	820.255.776	1.057.167.099
Các đối tượng khác	7.707.709.099	4.793.890.138
<b>Cộng</b>	<b>15.659.465.543</b>	<b>8.082.755.006</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	37.122.568.326	39.419.493.148
Công cụ, dụng cụ tồn kho	316.585.557	686.201.271
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.172.823.998	5.498.798.177
Thành phẩm	6.694.645.883	8.309.880.573
Hàng hóa tồn kho	20.748.399.181	30.280.609.817
<b>Cộng</b>	<b>72.055.022.945</b>	<b>84.194.982.986</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được hàng tồn kho</b>	<b>72.055.022.945</b>	<b>84.194.982.986</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P.tiện vận tải, t.bị truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2013	41.608.377.183	22.665.824.310	2.988.673.363	22.727.273	222.235.466	67.507.837.595
Mua sắm mới	-	522.800.000	277.912.727	-	-	800.712.727
XDCB, lắp đặt bàn giao	729.693.928	-	-	-	-	729.693.928
Số dư tại 30/06/2013	<u>42.338.071.111</u>	<u>23.188.624.310</u>	<u>3.266.586.090</u>	<u>22.727.273</u>	<u>222.235.466</u>	<u>69.038.244.250</u>
<b>HAO MÒN LUYỄN KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2013	6.608.636.570	11.974.866.657	1.020.555.088	9.469.698	22.223.546	19.635.751.559
Khấu hao trong kỳ	1.402.536.687	1.030.740.446	158.697.426	2.272.727	11.111.773	2.605.359.058
Số dư tại 30/06/2013	<u>8.011.173.257</u>	<u>13.005.607.103</u>	<u>1.179.252.514</u>	<u>11.742.425</u>	<u>33.335.319</u>	<u>22.241.110.617</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2013	34.999.740.613	10.690.957.653	1.968.118.275	13.257.575	200.011.920	47.872.086.036
Số dư tại 30/06/2013	<u>34.326.897.854</u>	<u>10.183.017.208</u>	<u>2.087.333.576</u>	<u>10.984.848</u>	<u>188.900.147</u>	<u>46.797.133.633</u>

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2013 là 191.173.133 đồng (tại 01/01/2013 là 191.173.133 đồng).

Giá trị còn lại đến 30/06/2013 của các tài sản cố định đem thế chấp cho các khoản vay là 18.903.078.966 đồng (tại 01/01/2013 là 18.903.078.966 đồng).

Theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013 đối với các tài sản cố định Công ty đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định (nguyên giá nhỏ hơn 30.000.000 VND) thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm. Tại ngày 30/06/2013, Công ty có một số tài sản cố nguyên giá dưới 30.000.000 VND, tuy nhiên tổng giá trị của các tài sản đó không đáng kể nên Công ty chưa điều chỉnh theo hướng dẫn của thông tư số 45/2013/TT-BTC trên báo cáo tài chính kỳ này mà sẽ điều chỉnh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**8. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do loại trừ lãi lỗ chưa thực hiện trong giao dịch góp vốn bằng tài sản của Công ty mẹ vào Công ty con và giao dịch mua bán hàng hóa giữa Công ty mẹ và Công ty con.

**9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>35.530.285.371</b>	<b>37.960.036.006</b>
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng (i)	35.530.285.371	37.960.036.006
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000.000</b>
- Ngân hàng Công thương Hồng Bàng	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>35.530.285.371</b>	<b>38.960.036.006</b>

Ghi chú: (i) Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/HM/2012 với hạn mức cho vay 58.000.000.000 VND đã bao gồm dư nợ thực tế hết ngày 10/08/2012 của Hợp đồng tín dụng số 01/HM/2011 ngày 01/07/2011 chuyển sang. Thời hạn duy trì mức cho vay từ ngày 10/08/2012 đến ngày 30/06/2013. Mục đích vay là phục vụ sản xuất kinh doanh, mở L/C trả thay thanh toán bằng vốn vay theo ngành nghề kinh doanh của công ty. Lãi suất cho vay trong bất kỳ kỳ hạn tính lãi nào sẽ là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ 8%/năm đối với trường hợp nhận nợ bằng VND, lãi suất cho vay VND áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 13,5%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với đất đai tại số 734 Nguyễn Văn Linh, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải của Bên B theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/PTVT/2012 ký ngày 28/09/2012.

**10. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Mitsubish Electric Việt Nam	2.772.704.000	22.819.500
Công ty TNHH Tân Thành	1.094.416.200	1.015.169.034
Công ty TNHH TMDV Dương Tường Giang	835.164.000	823.648.925
Công ty TNHH thương mại Phú Lâm	-	940.500.000
Công ty TNHH Tâm Chiến Tachiko	-	742.500.000
Công ty TNHH Sơn bột tinh điện Akzo Nobel	-	419.932.250
Các đối tượng khác	1.761.360.047	4.253.538.189
<b>Cộng</b>	<b>6.463.644.247</b>	<b>8.218.107.898</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.593.702.985	10.350.509.037
Thuế nhập khẩu	44.363.640	7.025.284
Thuế thu nhập cá nhân	1.126.075	18.155.261



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/IN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	81.078.913	162.117.656
Dự phòng bảo hành sản phẩm (i)	1.700.000.000	443.625.411
<b>Cộng</b>	<b>1.781.078.913</b>	<b>605.743.067</b>

*Ghi chú:* (i) Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành trên cơ sở thống kê thực tế số chi phí bảo hành của năm trước liền kề quy đổi theo phần trăm tỷ lệ doanh thu (khoảng 1% doanh thu bán hàng).

**13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.180.666.416	32.332.855
Bảo hiểm xã hội	-	114.486.181
Kinh phí công đoàn	523.184.380	455.370.117
<b>Cộng</b>	<b>1.703.850.796</b>	<b>602.189.153</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a -DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư ngày 01/01/2012	16.900.000.000	4.439.500.000	2.967.251.137	685.698.735	13.823.283.596	38.815.733.468
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	14.057.097.804	14.057.097.804
Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	34.082.000.000	-	-	-	-	34.082.000.000
Chia cổ phiếu thưởng	43.940.000.000	(4.439.500.000)	(2.320.500.000)	-	(37.180.000.000)	-
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	413.525.015	(2.749.731.730)	(2.336.206.715)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(29.069.697)	-	(29.069.697)
<b>Số dư ngày 01/01/2013</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>-</b>	<b>646.751.137</b>	<b>1.070.154.053</b>	<b>(12.049.350.330)</b>	<b>84.589.554.860</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	10.946.911.925	10.946.911.925
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	(33.254.160)	-	(33.254.160)
<b>Số dư ngày 30/06/2013</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>-</b>	<b>646.751.137</b>	<b>1.036.899.893</b>	<b>(1.102.438.405)</b>	<b>95.503.212.625</b>

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2013	01/01/2013	Đơn vị tính
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu
+ Mệnh giá của cổ phiếu	10.000	10.000	đồng/ cổ phiếu
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	9.492.200	9.492.200	cổ phiếu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 94.922.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại 30/06/2013		Vốn đã góp tại 01/01/2013	
	VND	(%)	VND	(%)
Hoàng Thanh Hải	13.072.540.000	13,8%	13.072.540.000	13,8%
Lê Thị Bích Huệ	3.526.250.000	3,7%	3.526.250.000	3,7%
Nguyễn Việt Dũng	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Phạm Tiến Dũng	4.183.000.000	4,4%	4.183.000.000	4,4%
Nguyễn Quốc Tuấn	4.500.000.000	4,7%	4.500.000.000	4,7%
Vũ Văn Nam	4.000.000.000	4,2%	4.000.000.000	4,2%
Nguyễn Văn Chuốt	3.381.300.000	3,6%	3.381.300.000	3,6%
Nguyễn Khánh Cường	3.028.000.000	3,2%	3.028.000.000	3,2%
Nguyễn Thị Thanh Hào	3.000.000.000	3,2%	3.000.000.000	3,2%
Phan Quang Huy	3.500.000.000	3,7%	3.500.000.000	3,7%
Khác	48.730.910.000	51,3%	48.730.910.000	51,3%
<b>Cộng</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>94.922.000.000</b>	<b>100%</b>

**15. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng	170.354.191.511
<i>Các khoản giảm trừ</i>	
- Chiết khấu thương mại	(1.140.675.181)
- Hàng bán bị trả lại	(52.143.000)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng</b>	<b>169.161.373.330</b>

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn hàng bán	141.913.844.178
<b>Cộng</b>	<b>141.913.844.178</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	61.707.185.341
Chi phí nhân công	8.889.898.498
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.479.840.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.687.195.262
Chi phí khác	648.470.532
	<u>77.412.590.208</u>

**18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	1.949.933.815
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	71.369.533
Chiết khấu thanh toán	717.616.725
	<u>2.738.920.073</u>

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty mẹ	10.568.926.449
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế	10.568.926.449
Thuế suất	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty mẹ</i>	<i>2.642.231.613</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty con	526.685.487
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-
Thu nhập chịu thuế	526.685.487
Thuế suất	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty con</i>	<i>131.671.372</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hợp nhất</b>	<u><b>2.773.902.985</b></u>

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không còn sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 <u>VND</u>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (1)	10.946.911.925
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu (2)	9.492.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (3) = (1) / (2)	1.153
Mệnh giá cổ phiếu	10.000

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3).

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền mặt, tiền gửi ở các tổ chức tín dụng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn khác. Công nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2013 <u>VND</u>	01/01/2013 <u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.590.801.507	807.790.465
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.065.780.279	8.155.723.167
	<u>22.656.581.786</u>	<u>8.963.513.632</u>
<b>Cộng</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	35.530.285.371	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả khác	8.167.495.043	8.820.297.051
Chi phí phải trả	1.781.078.913	605.743.067
	<u>45.478.859.327</u>	<u>50.386.076.124</u>
<b>Cộng</b>		

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro thị trường, bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa, rủi ro tín dụng và các rủi ro về giá khác như cổ phiếu.

*Rủi ro về tỷ giá*

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi và các khoản vay. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi, tiền vay với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

*Rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa để phục vụ hoạt động kinh doanh, nên Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro hàng hóa bằng việc theo dõi và phân tích thông tin liên quan đến thị trường hàng hóa mà Công ty kinh doanh nhằm mục đích phục vụ cho thời điểm mua bán hàng hóa, kế hoạch kinh doanh và xác định mức tồn kho hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

*Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HN**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	807.790.465	-	-	807.790.465
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.155.723.167	-	-	8.155.723.167
<b>Cộng</b>	<b>8.963.513.632</b>	-	-	<b>8.963.513.632</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	40.960.036.006	-	-	40.960.036.006
Phải trả người bán, phải trả khác	8.820.297.051	-	-	8.820.297.051
Chi phí phải trả	605.743.067	-	-	605.743.067
<b>Cộng</b>	<b>50.386.076.124</b>	-	-	<b>50.386.076.124</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>41.422.562.492</b>	-	-	<b>41.422.562.492</b>
	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.590.801.507	-	-	7.590.801.507
Phải thu khách hàng, phải thu khác	15.065.780.279	-	-	15.065.780.279
<b>Cộng</b>	<b>22.656.581.786</b>	-	-	<b>22.656.581.786</b>
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>				
Vay và nợ	35.530.285.371	-	-	35.530.285.371
Phải trả người bán, phải trả khác	8.167.495.043	-	-	8.167.495.043
Chi phí phải trả	1.781.078.913	-	-	1.781.078.913
<b>Cộng</b>	<b>45.478.859.327</b>	-	-	<b>45.478.859.327</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>22.822.277.541</b>	-	-	<b>22.822.277.541</b>

Chênh lệch thanh khoản thuần âm là do Công ty sử dụng vốn vay để mua hàng hóa, nguyên vật liệu. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với khả năng tiêu thụ hàng hóa của Công ty như hiện nay có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo) MẪU SỐ B 09a -DN/HIN**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo*

**23. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan

**Thu nhập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:**

Từ 01/01/2013  
đến 30/06/2013  
**VND**

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

475.815.930

**24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 của Công ty.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Mặc dù Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0201269184 ngày 25/06/2012, tuy nhiên từ ngày 25/06/2012 đến ngày 30/06/2012 Công ty chưa phát sinh nghiệp vụ kế toán nào, do đó không có số liệu so sánh cho cùng kỳ năm trước.



Hoàng Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 08 năm 2013

Lê Thị Bích Huệ  
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Lan Phương  
Người lập biểu